

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2022

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 31/08/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXX-ST ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S. Sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H. Sinh năm 1983. Địa chỉ: xóm 6B (nay là xóm 6), xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Đài Loan. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê VC, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 (là bố mẹ đẻ của chị H).

Địa chỉ: xóm 6B (nay là xóm 6), xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S trình bày: anh S và chị Lê Thị H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/03/2008. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ

chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Đến năm 2015 thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau về cả tư tưởng cũng như cách sống. Năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng phai nhạt, ít quan tâm đến nhau, từ năm 2021 vợ chồng không liên lạc với nhau. Vì vậy, anh S làm đơn xin được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Về con chung: Hai vợ có con chung là cháu Nguyễn Lê Đại N, sinh ngày 26/12/2008, hiện cháu đang ở với ông bà ngoại là ông Lê VC và bà Nguyễn Thị N. Ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh S bổ sung ý kiến: Nếu ông bà ngoại, mẹ cháu N đề nghị để ông bà và mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc thì anh S đồng ý. Về tài sản chung: anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Lê Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Lê Thị H có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử...cho chị H thông qua ông Lê VC và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ của chị H; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện tại chị H vắng mặt không có lý do. Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 4623/QLXNC-P5 ngày 09/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an: Chị Lê Thị H có thông tin xuất cảnh ngày 15/5/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo biên bản xác minh đối với ông Lê VC, bà Nguyễn Thị N: Hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh S và chị H kết hôn với nhau năm 2008. Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Lê Đại N. Ông C, bà N đã nhận được văn bản của Tòa án về yêu cầu cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Ông, bà có điện thoại S cho chị H để thông báo việc Tòa án đã yêu cầu H cung cấp địa chỉ ở nước ngoài thì H nói không có địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được. Chị H biết việc anh S làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và đồng ý ly hôn với anh S. Còn về con cái thì chị đề nghị được nuôi con và để ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản: không yêu cầu tòa án giải quyết. Đồng thời ông C, bà N trình bày: cháu N ở cùng mẹ và ông bà từ nhỏ, từ năm 2019, mẹ đi xuất khẩu lao động thì ông bà là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến bây giờ. Ông, bà không yêu cầu anh S, chị H thanh toán tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N từ năm 2019 đến nay. Ông, bà không đồng ý việc giao cháu N cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu N đã sống với ông bà từ nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: quá trình

giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Văn S, cho anh S được ly hôn với chị Lê Thị H; giao con chung của vợ chồng cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Lê Thị H có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xóm 6B, xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An; chị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho ông Lê VC, bà Nguyễn Thị N (là bố mẹ đẻ của chị H), đề nghị ông C, bà N thông báo cho chị H biết về yêu cầu khởi kiện của anh S. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, tại nơi cư trú của chị H trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông C, bà N cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan nhưng ông C, bà N không cung cấp được. Theo tài liệu liên quan, biên bản xác minh thì chị Lê Thị H có hộ khẩu tại xóm 6B (nay là xóm 6), xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần cho bị đơn chị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, anh S và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã

NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/03/2008. Hôn nhân của anh S, chị H là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được. Từ năm 2019, chị H đi nước ngoài, vợ chồng xa cách, từ năm 2021 đến nay không còn liên lạc với nhau. Khi biết anh S làm đơn ly hôn, thông qua gia đình, chị H cũng thể hiện ý kiến về việc đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị H không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Lê Thị H.

[3.2] Về con chung: Hai vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Lê Đại N, sinh ngày 26/12/2008, hiện cháu đang ở với ông bà ngoại là ông Lê VC và bà Nguyễn Thị N. Ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh có ý kiến: nếu ông bà, mẹ cháu N đề nghị để ông bà và mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc thì anh S đồng ý. Chị H, ông CƯ, bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu N. Xét thấy, nguyện vọng của các đương sự là chính đáng, thể hiện được tình cảm và sự quan tâm đối với cháu N. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ. Vì vậy, do chị H hiện đang ở nước ngoài nên cần giao cháu N cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S, ông CƯ, bà N có thể thỏa thuận với nhau về việc cháu N ở với ai, để cháu được đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường, cũng như cuộc sống và học tập. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh S không yêu cầu, chị H chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với công chăm sóc cháu N của ông Lê VC và bà Nguyễn Thị N, do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết, chị Lê Thị H cũng chưa có ý kiến, vì vậy Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S.

[1]. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn S và chị Lê Thị H được ly hôn.

[2]. Nuôi con chung:

[2.1]. Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Đại N, sinh ngày 26/12/2008 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2]. Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011905, ngày 20/5/2022.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Anh Nguyễn Văn S, ông Lê VC và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Lê Thị H đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Quốc Cường**